TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HN-ST
Ngày 30-11-2021
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T -TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ngoan
Các hội thẩm nhân dân:
1.Ông Thạch Hùng
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần
Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 10- tháng 12 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Hồng H, sinh năm 1973;(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp AC, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

*2. Bị đơn:*Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 ;(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp AC, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2020 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nguyên đơn chị Lâm Thị Hồng H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1991 chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn S, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có

đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Về nguyên nhân xin ly hôn chi H khai lúc đầu vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc nhưng được một thời gian khoảng ba năm nay thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẩn, chồng chị là anh S hễ đi uống rượu về là kiếm chuyện đập phá đồ đạc trong nhà rất nhiều lần, chị có khuyên nhủ nhưng tính nào tật nấy và ngược lại anh S còn chửi bới xúc phạm chị rất nhiều làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt, hai bên không còn quan tâm lẫn nhau nên anh chị đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị H khai có hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng D sinh năm 1992 và Nguyễn Văn Đ sinh năm 1993. Hiện hai con đã trưởng thành và sống tự lập nên chị không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; Chị H khai vợ chồng chị đã tự thỏa thuận chia xong nên chị không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không có nên chị không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị Hồng H đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân của chị Lâm Thị Hồng H và 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình do anh Nguyễn Văn S chồng chị H là chủ hộ (Có đối chiếu đúng với bản gốc); 02 (hai) giấy khai sinh của con chung Nguyễn Thị Hồng D và Nguyễn Văn D (Có đối chiếu đúng với bản gốc).

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn S, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 1 vào ngày 11//11/2021; lần 2 vào ngày 30/11/2021 hợp lệ cho anh S nhưng anh S vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh S được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Hồng H xin ly hôn anh Nguyễn Văn S nên đây là vụ kiện "*Tranh chấp ly hôn* " theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Nguyễn Văn S có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng*:*

Nguyên đơn chị Lâm Thị Hồng H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn S.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lâm Thị Hồng H và anh Nguyễn Văn S xác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và trong quá trình chung sống anh chị cũng thể hiện là một gia đình hạnh phúc, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẩn do hiểu lầm nhau dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và chị H thừa nhận hiện nay hai bên không còn tình cảm với nhau nên anh chị đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Do chị H và anh S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét xử bằng một bản án tuyên bố không công nhận chị H và anh S là vợ chồng.

[4] Đối với con chung*:* Do chị H khai có hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng D sinh năm 1992 và Nguyễn Văn Đ sinh năm 1993. Hiện hai con đã trưởng thành và sống tự lập, chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung*:* Chị Lâm Thị Hồng H khai chị và anh Nguyễn Văn S không có nợ chung và tài sản chung anh chị đã tự thỏa thuận chia xong nên chị không yêu cầu giải quyết. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với anh Nguyễn Văn S để biết được ý kiến của anh Sơn như thế nào về tài sản chung và nợ chung, anh S có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung giữa anh Nguyễn Văn S và chị Lâm Thị Hồng H hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn S có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Lâm Thị Hồng H thì anh Nguyễn Văn S được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Lâm Thị Hồng H.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lâm Thị Hồng H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Lâm Thị Hồng H và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Do chị H khai có hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng D sinh năm 1992 và Nguyễn Văn Đ sinh năm 1993. Hiện hai con đã trưởng thành và sống tự lập, chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Lâm Thị Hồng H khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét Nếu sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn S có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Lâm Thị Hồng H thì anh Nguyễn Văn S được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Lâm Thị Hồng H.

4. *Về án phí:* Chị Lâm Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006460 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, như vậy chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú của các đương sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện T;
-Những người tham gia tố tụng;
-Chi cục THADS huyện T;
-UBND xã TH;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Ngoan